

Kiều hối và hàm ý chính sách: Nhìn từ góc độ cung - cầu

Trần Huy Tùng*

Học viện Ngân hàng

Ngày nhận bài 9/12/2019; ngày chuyển phân biện 10/1/2020; ngày nhận phân biện 18/2/2020; ngày chấp nhận đăng 25/2/2020

Tóm tắt:

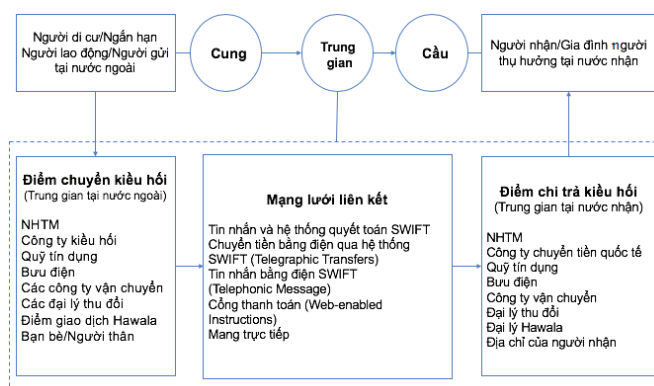
Kiều hối ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với Việt Nam khi có sự gia tăng về quy mô trong những năm gần đây, điển hình là năm 2018 con số kiều hối vào Việt Nam theo Ngân hàng Thế giới (WB) đạt khoảng 16 tỷ USD [1]. Tuy nhiên, dữ liệu về kiều hối ở nước ta được công bố không thống nhất giữa các cơ quan quản lý, WB, thậm chí số liệu khác biệt khi so với khảo sát thực địa. Chẳng hạn, dòng kiều hối vào Việt Nam theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố là gần 10 tỷ USD vào năm 2017, thấp hơn con số 14 tỷ USD do WB công bố. Sự khác nhau này đến từ các góc nhìn khác nhau về kiều hối. Dựa trên cách tiếp cận cung - trung gian - cầu, trong đó, cung đề cập tới nguồn kiều hối, trung gian là các kênh chuyển kiều hối và cầu là bên nhận kiều hối, nghiên cứu này đưa ra các khái niệm về kiều hối, qua đó thử phân loại theo các tiêu chí, phân tích các hàm ý chính sách có thể áp dụng nhằm nâng cao vai trò của nguồn ngoại tệ này đối với phát triển kinh tế đất nước. Đóng góp của nghiên cứu có giá trị lý luận và thực tiễn đối với công tác quản lý kiều hối ở nước ta hiện nay, đặc biệt trong mục tiêu tận dụng tốt hơn lợi thế của dòng kiều hối đối với phát triển kinh tế.

Từ khóa: chính sách kiều hối, cung - cầu, kiều hối.

Chỉ số phân loại: 5.2

Khái niệm kiều hối theo góc nhìn cung - cầu

Kiều hối (international remittance) được hiểu là các khoản tiền gửi được tạo bởi hai chủ thể, bên gửi tiền và bên nhận tiền thông qua các kênh trung gian. Tiếp cận theo khung phân tích cung - trung gian - cầu, dưới đây xin trình bày khái niệm về nguồn ngoại tệ này.



Sơ đồ 1. Chuyển kiều hối.

Nguồn: tác giả tự tổng hợp.

Xét trên góc độ của người gửi kiều hối (bên cung), Puri và Rizetma (1999) [2] cho rằng, kiều hối chính là một phần thu nhập của người lao động ở nước ngoài chuyển về quốc

gia bản xứ của họ. Tuy nhiên, khái niệm này mới chỉ cho thấy biểu hiện chủ yếu của kiều hối, chưa bao quát được toàn bộ lượng kiều hối. Hơn nữa, khái niệm này không tính tới (i) trường hợp các thể hệ sau của người di cư gửi tiền về quốc gia nguyên xứ và (ii) khả năng người gửi sử dụng tiền vay (ví dụ: rút tiền từ thẻ tín dụng) để chuyển về. Xét trên góc độ của các kênh chuyển tiền (bên trung gian), IMF (2009a) [3] định nghĩa, kiều hối ở phạm vi rộng hơn khi thể hiện các khoản chuyển tiền một chiều xuyên biên giới được chuyển qua các kênh chính thức hoặc phi chính thức. Về mặt quản lý, định nghĩa này giúp cơ quan quản lý xác định lượng kiều hối chuyển về thông qua thống kê từ giao dịch của các kênh chuyển tiền khác nhau. Tất nhiên, ước tính kiều hối qua kênh phi chính thức vẫn còn là thách thức lớn.

Xét trên góc độ người nhận (bên cầu), IMF (2009b) [4] định nghĩa: kiều hối thể hiện thu nhập của hộ gia đình của một quốc gia có từ các nền kinh tế nước ngoài. Với định nghĩa này, ngoài lượng kiều hối phát sinh chủ yếu từ việc di chuyển tạm thời hoặc vĩnh viễn của người dân tới nền kinh tế nước ngoài, hộ gia đình còn có thể nhận được những nguồn khác. Ngoài 2 khoản mục cấu thành nên lượng kiều hối chủ yếu là: (A) chuyển giao tư nhân, (B) thu nhập của người lao động, còn có 2 khoản mục khác là (C) chuyên giao vốn giữa các cá nhân, hộ gia đình và (D) lợi ích xã hội.

*Email: tungth@hvn.edu.vn

Remittances and policy implications: From the perspective of supply - demand

Huy Tung Tran*

Banking Academy

Received 9 December 2019; accepted 25 February 2020

Abstract:

Remittances have increasingly played an important role for Vietnam as there has been an increase in scale in recent years, typically in 2018, according to WB, the number of remittances into Vietnam reached about 16 billion USD [1]. However, the data on remittances published were not the same among Vietnamese authorities and the WB, even different from the figures in the field survey. For example, according to statistics of the State Bank of Vietnam the remittances inflow into Vietnam was nearly 10 billion USD in 2017, lower than the 14 billion USD announced by the WB. The differences came from different perspectives on remittances. Based on the model of supply - intermediation - demand, in which the supply referred to the source of remittances, the intermediation was the channels of remittance transfer and the demand was the remittance recipients, the research introduce the concepts of this foreign currency source. Thereby, trying to classify by criteria, analyze the possible policy implications to enhance the role of remittances for Vietnam's economic development. This study contributed theoretical and practical values to the management of remittances in Vietnam today, especially in the goal of better leveraging benefit of remittance to develop national economy.

Keywords: remittance, remittance policy, supply - demand.

Classification number: 5.2

Chỉ có 3 khoản mục đầu (A, B, C) cấu tạo nên lượng kiều hối tư nhân, còn khoản mục D cấu tạo từ lượng kiều hối do các tổ chức, quỹ từ thiện (ví dụ người lao động nhận được tiền bảo hiểm của công ty họ làm thuê chi trả cho). Trong lượng kiều hối tư nhân, 2 khoản (A) chuyển giao tư nhân và (B) thu nhập của người lao động chiếm chủ yếu. Phần (C) chuyển giao vốn giữa các cá nhân, hộ gia đình rất khó đo lường và thường không được thống kê ở hầu hết các quốc gia. Bảng 1 là các khoản mục liên quan đến kiều hối theo quy định trong BPM6¹.

Bảng 1. Các khoản mục liên quan đến kiều hối quy định trong BPM6 [4].

KH	Khoản mục	Tên tiếng Anh	Đặc điểm	Giải thích
A	Chuyển giao tư nhân	Personal transfer	Người đi cư; Thời hạn lao động trên 1 năm; Người không cư trú đối với nước nguyên xứ.	Các khoản chuyển giao vãng lai bằng tiền hoặc hiện vật giữa người không cư trú và người cư trú; Mục đích giúp đỡ thân nhân, phần chuyển về trừ phần chuyển ra (du học, du lịch).
B	Thu nhập ròng của người lao động (sau khi trừ đi thuế, phúc lợi xã hội, đi lại)	Compensation of employees	Người lao động; Thời hạn lao động dưới 1 năm; Người cư trú của nước nguyên xứ.	Các khoản tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác để đổi lại sức lao động bỏ ra trong quá trình sản xuất (sau khi trừ các chi phí như thuế, phúc lợi, đi lại...).
C	Chuyển giao vốn giữa các cá nhân, hộ gia đình	Capital transfer	Khó thống kê; Thời hạn sinh sống tại nước ngoài trên 1 năm.	Các khoản cho/tặng bằng tiền (hoặc hiện vật) gắn với việc mua tài sản cố định (hoặc xóa một khoản nợ) giữa người không cư trú với người cư trú.
D	Lợi ích xã hội	Social benefit		
Tổng kiều hối		A+B+C+D		
Kiều hối tư nhân		A+B+C	A và B chiếm chủ yếu	

Nguồn: [4].

Trong khi khoản mục (B) không thay đổi so với bản BPM5² [4] khi thể hiện các khoản tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác được trả cho người lao động khi tham gia vào quá trình sản xuất; phạm vi của khoản mục (A) trong BPM6 được mở rộng hơn so với trong BPM5. Cụ thể, khoản mục (A) chuyển giao tư nhân bao gồm toàn bộ khoản chuyển giao bằng tiền hoặc bằng hiện vật giữa người cư trú và người không cư trú. Vì thế, chuyển giao tư nhân bao gồm các khoản chuyển giao vãng lai từ người đi cư tới không chỉ

¹BPM6: cán cân thanh toán và Sổ tay vị trí đầu tư quốc tế (Phiên bản thứ 6).

²BPM5: cán cân thanh toán và Sổ tay vị trí đầu tư quốc tế (Phiên bản thứ 5).

gia đình, người thân của họ mà còn tới những người khác tại quốc gia bản xứ. Nếu như người di cư sinh sống tại nước ngoài nhiều hơn 1 năm, họ được coi như một đối tượng cư trú tại nước ngoài, tùy vào tình trạng đã đăng ký. Còn trong trường hợp người di cư sống tại nước ngoài dưới 1 năm, thu nhập của họ sẽ được phân loại vào khoản mục (B) thu nhập của người lao động.

Theo IMF (2009a) [3], những đối tượng có thời hạn quá 1 năm nhưng không được tính là đối tượng không cư trú bao gồm du học sinh, người đi chữa bệnh ở nước ngoài. Dù cho các đối tượng này gửi tiền về nước thì cũng không tính vào khoản mục chuyển tiền một chiều. Ngoài ra, tiền gửi về nước từ những người đang công tác tại Đại sứ quán Việt Nam tại các quốc gia hay người Việt Nam làm tại các tổ chức đa quốc gia như WB hay IMF cũng không tính là “kiều hối”.

Tóm lại, việc tiếp cận kiều hối theo góc độ người nhận kiều hối mang lại một thống kê đầy đủ nhất về kiều hối. Khoản chuyển tiền giữa tổ chức hay chính phủ nước ngoài tới người thụ hưởng trong nước không được xét tới. Việc phân tách thành hai nguồn kiều hối từ người di cư và người lao động nhằm giúp cơ quan quản lý quản lý và tạo lập chính sách kiều hối phù hợp. Bảng 2 là các khoản mục trên cán cân thanh toán quốc tế của quốc gia.

Bảng 2. Các khoản mục trên cán cân thanh toán quốc tế của quốc gia.

Chỉ tiêu	Ghi nợ/có cho các đối tượng		
	Hộ gia đình	Tổ chức	Chính phủ
a. Cán cân vãng lai			
Hàng hóa và dịch vụ			
Thu nhập sơ cấp			
Thu nhập của người lao động (B)	Kiều hối		
....			
Thu nhập thứ cấp			
Thuế thu nhập			
Phí bảo hiểm phi nhân thọ			
Trả bảo hiểm phi nhân thọ			
Chuyển giao tư nhân			
- Thuế			
- Viện trợ bằng tiền (A)	Kiều hối		
- Viện trợ bằng hàng hóa (A)	Kiều hối		
b. Cán cân vốn			
Trong đó: chuyển giao vốn		Không tính là kiều hối	Không tính là kiều hối
c. Cán cân tài chính			

Nguồn: tổng hợp của tác giả từ [3].

Phân loại kiều hối theo góc nhìn cung - cầu và hàm ý chính sách kiều hối cho Việt Nam

Phân loại kiều hối có vai trò quan trọng trong công tác quản lý và đề xuất các chính sách quản lý kiều hối phù hợp phục vụ phát triển kinh tế. Các tiêu chí để phân loại kiều hối được chia thành 3 nhóm cung - trung gian - cầu, gồm: (i) Bên cung: chủ thể gửi tiền, quốc gia gửi, hình thái tài sản, hình thức gửi; (ii) Bên trung gian: kênh chuyển tiền và (iii) Bên cầu: mục đích sử dụng, đối tượng nhận. Bảng 3 là phân loại kiều hối theo các tiêu chí cụ thể.

Bảng 3. Phân loại kiều hối theo các tiêu chí.

Bên	Tiêu chí	Phân loại
Cung	Chủ thể gửi tiền	Lao động (bất hợp pháp) Theo kỹ năng nghề nghiệp: - Không có kỹ năng - Có kỹ năng
		Lao động tạm thời (hợp pháp) Theo giới tính: - Nam - Nữ
		Người định cư (có quốc tịch)
	Quốc gia gửi	Nhóm quốc gia phát triển
		Nhóm quốc gia đang phát triển
	Hình thái tài sản	Tiền tệ Ngoại tệ, vàng Tiền trên tài khoản Hàng hóa
Hình thức gửi	Cá nhân gửi Nhóm gửi (Collective Remittance)	
Trung gian	Kênh chuyển tiền	Chính thức Tổ chức tín dụng được cấp phép Tổ chức chuyển tiền đã được cấp phép Mang ngoại tệ có khai báo hải quan Tổ chức chưa được cấp phép
		Phi chính thức Chuyển tiền tay ba Mang ngoại tệ không khai báo hải quan
	Mục đích sử dụng	Tiêu dùng Trả nợ Giáo dục, y tế dự phòng Hàng hóa: hàng nội địa, hàng nhập khẩu Tiết kiệm Ngắn hạn Trung hạn Dài hạn
Cầu	Đầu tư	Tài sản Bất động sản Khác Dự án phát triển
		Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa Quy xã hội, từ thiện
	Đối tượng nhận	Hộ gia đình Thành thị Nông thôn Tổ chức Nhà nước Tư nhân

Nguồn: tác giả tự tổng hợp.

Về bên cung

Thứ nhất, xét về tiêu chí chủ thể gửi tiền, việc phân loại kiều hối tương đối phức tạp nhưng cần thiết để giúp định hình chính sách quản lý kiều hối phù hợp phục vụ phát triển kinh tế. Cụ thể, nguồn kiều hối có thể được gửi từ 2 nhóm:

(i) người lao động tạm thời và (ii) người lao động đã định cư (hoặc đã có quốc tịch). Đối với nhóm đầu tiên, xét trên tiêu chí pháp lý, người lao động được phân nhỏ thành đối tượng lao động hợp pháp và bất hợp pháp. Trong nhóm lao động cả hợp pháp và bất hợp pháp, xét về góc độ kỹ năng nghề nghiệp, có thể tồn tại cả những người có trình độ chuyên nghiệp (bằng cấp), người có kỹ năng làm việc và người không có kỹ năng làm việc. Tuy nhiên, trên thực tế, lao động bất hợp pháp thường là không thuộc nhóm có chuyên môn bằng cấp. Đối với lao động đã định cư, việc phân chia theo trình độ lao động cũng tương tự nhưng không quan trọng bằng nhóm lao động tạm thời. Xét về góc độ giới tính, chủ thể gửi tiền có thể chia thành nam và nữ.

Việc phân chia kiều hối theo chủ thể như trên nhằm giúp cơ quan quản lý thiết kế ra các chính sách phù hợp. Cụ thể, nắm bắt được nguồn kiều hối được gửi từ nhóm đối tượng nào sẽ có cơ chế, chính sách thích hợp với đối tượng đó. Lấy đối tượng người lao động tạm thời hợp pháp làm ví dụ điển hình, chính sách đào tạo và hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh đối những người lao động tạm thời có trình độ chuyên môn thấp sau khi trở về quê hương là cần thiết. Hoặc như trường hợp ở người định cư, chính sách về hàn gắn, kết nối cộng đồng, quản lý cộng đồng sẽ đóng vai trò quan trọng hơn. Còn đối với nhóm lao động bất hợp pháp thì cần có cơ chế chính sách phù hợp trong trường hợp người đó bị phát hiện và bị bắt giữ tại nước ngoài. Giải pháp mang tính phòng ngừa hơn đối với loại hình lao động này chính là việc tăng mức xử phạt đối với các nhóm/doanh nghiệp không được cấp phép trong việc đưa người ra nước ngoài. Xét về giới tính, các nghiên cứu trước thường chỉ ra phụ nữ đi làm ở nước ngoài có xu hướng mang được nhiều kiều hối hơn và giúp cho con cái sử dụng của cải tốt hơn là nam giới. Do đó, chính sách xuất khẩu lao động có thể hướng tới ưu tiên phụ nữ tham gia hơn.

Thứ hai, đối với quốc gia gửi, kiều hối có thể được chuyển về từ các quốc gia khác nhau tùy thuộc vào lao động của nước bản xứ đang sinh sống và làm việc tại nước nào. Việc nắm bắt nguồn gốc tiền gửi từ quốc gia nào cho phép cơ quan quản lý đưa ra các chính sách khuyến khích phù hợp nhằm tạo thêm lợi ích cho những người gửi tiền như thiết lập mạng lưới, cơ sở hạ tầng chuyển tiền chính thức với chi phí thấp. Bên cạnh đó, nắm bắt được nguồn gốc kiều hối theo vị trí địa lý giúp công tác dự báo về lượng kiều hối chuyển về tốt hơn, xét trên những khía cạnh như bối cảnh kinh tế vĩ mô của nước gửi và đặc điểm lao động tại quốc gia gửi. Trong các tiêu chí phân loại kiều hối, việc chia luồng kiều hối theo quốc gia gửi dễ dàng được thống kê nhất bởi hệ thống chuyển tiền chính thức có thể truy xuất được nguồn gốc này.

Thứ ba, đối với hình thái tài sản, kiều hối có thể ở dưới dạng tiền tệ hoặc hàng hóa. Trong bối cảnh chính sách quản lý ngoại tệ bị thắt chặt, người gửi kiều hối có xu hướng

gửi kiều hối bằng hàng hóa thay cho tiền mặt. Tuy nhiên, nếu kiều hối ở dạng hàng hóa sẽ gây khó khăn cho cơ quan thống kê quy mô kiều hối chính xác là bao nhiêu. Và thông thường lượng kiều hối biểu hiện bằng hình thái hàng hóa sẽ coi như là một nguồn kiều hối phi chính thức. Do đó, các chính phủ hiện nay thường khuyến khích gửi kiều hối ở dạng tiền tệ. Đối với riêng dạng tiền tệ, kiều hối có thể nằm ở dạng tiền mặt ngoại tệ hoặc nội tệ, cũng có thể nằm trên tài khoản ngân hàng của người gửi tiền được lập tại nước bản xứ.

Thứ tư, xét về hình thức gửi kiều hối, hiện nay có hai hình thức cơ bản, đó là gửi theo dạng cá nhân và gửi theo nhóm. Trong đó, gửi cá nhân chiếm phần lớn về quy mô và tần suất. Đối với gửi theo nhóm, hình thức này phát triển tại Mêhicô khi các công dân nước này đã tạo lập dân mạng lưới người Mêhicô tại Mỹ, bắt đầu từ hình thức đóng góp chia sẻ rủi ro trong cộng đồng và tiến tới hình thành các nhóm đồng hương gửi kiều hối về xây dựng quê hương. Về mặt chính sách, nhìn từ kinh nghiệm nêu trên, Chính phủ Việt Nam cần có sự khuyến khích tốt hơn việc gửi kiều hối theo nhóm nhằm phát triển kinh tế của địa phương, đặc biệt đối với những nhóm người định cư lâu năm và mối quan hệ giữa họ và gia đình tại nước bản xứ không còn chặt chẽ như trước đây.

Về bên trung gian

Đối với bên trung gian, tiêu chí kênh chuyển tiền được lựa chọn để phân loại kiều hối. Theo đó, kiều hối có thể được người gửi tiền chuyển qua kênh chính thức hoặc phi chính thức. Việc phân chia cụ thể kênh gửi tiền nào là chính thức hay phi chính thức tùy thuộc vào mỗi quốc gia và vùng lãnh thổ [5]. Tuy có sự khác nhau về mặt quy định giữa các nước nhưng các kênh chính thức và phi chính thức thông thường có những loại hình cơ bản sau: kênh chính thức bao gồm các tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển tiền đã được cơ quan quản lý cấp phép và việc mang kiều hối trực tiếp vào quốc gia nhận có khai báo với cơ quan hải quan tại cửa khẩu. Ngược lại, kênh phi chính thức bao gồm các hình thức chuyển tiền tay ba, mang kiều hối trực tiếp vào quốc gia mà không khai báo số tiền và qua các tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển tiền kiều hối chưa được cơ quan quản lý cấp phép. Việc lựa chọn gửi qua kênh nào phụ thuộc chủ yếu vào mức phí chuyển tiền phát sinh ở mỗi kênh. Nhân tố thứ hai ảnh hưởng tới việc lựa chọn kênh chuyển tiền này là, những người gửi tiền có tình trạng nhập cư bất hợp pháp cũng có xu hướng gửi tiền qua kênh phi chính thức.

Tùy vào quốc gia, vùng lãnh thổ mà kiều hối được chuyển đến mà người gửi tiền sẽ cân nhắc so sánh giữa chi phí phát sinh khi gửi qua từng kênh. Về nguyên tắc, cơ quan quản lý mong muốn kiều hối được chuyển qua kênh chính thức bởi lợi ích từ việc thống kê, đo lường kiều hối chính xác, đồng thời định hướng dòng kiều hối vào những lĩnh

vực, ngành nghề ưu tiên đầu tư. Tuy nhiên, đối với các quốc gia đang phát triển, thị trường tài chính còn chưa phát triển toàn diện, đặc biệt là vấn đề giám sát nên dễ tạo điều kiện cho nạn rửa tiền phát triển. Chính lý do này khiến các quốc gia đang phát triển kiểm soát chặt chẽ luồng tiền ra vào. Điều này, trái lại, làm tăng chi phí chuyển tiền chính thức và kiều hối sẽ được ưu tiên chuyển qua kênh phi chính thức. Khi quốc gia nhận nhiều kiều hối qua kênh phi chính thức, số liệu thống kê về kiều hối vào quốc gia đó sẽ bị đánh giá thấp, khiến khó đánh giá tác động của dòng kiều hối đối với phát triển kinh tế. Để khắc phục hiện tượng này, nhiều học giả đã quan tâm đo lường kiều hối phi chính thức tại các quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau bằng các phương pháp ước lượng đa dạng qua khảo sát các hộ gia đình [6].

VỀ BÊN CẦU

Thứ nhất, xét theo tiêu chí mục đích sử dụng, kiều hối có thể được sử dụng để tiêu dùng, tiết kiệm, đầu tư tài sản và đầu tư phát triển. Dù sử dụng cho mục đích gì thì hầu hết vẫn dẫn đến tăng trưởng và phát triển kinh tế. Tuy nhiên, nếu như tiêu dùng (hàng nội địa) chỉ mang lại tăng trưởng kinh tế và lợi ích cho hộ gia đình sử dụng kiều hối trong ngắn hạn thì tiết kiệm với đầu tư sẽ góp phần phát triển kinh tế trong dài hạn. Đặc biệt, nếu kiều hối được sử dụng cho kênh tiêu dùng hàng nhập khẩu lại không làm nền kinh tế tăng trưởng như trường hợp của El Salvador³. Mặt khác, đối tượng gửi kiều hối và mục đích gửi kiều hối cũng sẽ quyết định phần nào đến cách kiều hối được sử dụng ra sao. Nếu như đối tượng gửi kiều hối là những người đi lao động xuất khẩu phổ thông, số kiều hối chủ yếu gửi về cho gia đình phục vụ chi tiêu thiết yếu, xa hơn là cho giáo dục, chăm sóc sức khỏe. Trái lại, nếu gửi kiều hối là người có thu nhập cao (có trình độ chuyên môn), cách sử dụng kiều hối lại có thể cho mục đích đầu tư sinh lời hoặc đầu tư phát triển vào các dự án cơ sở hạ tầng, từ thiện. Kể từ sau khi giá dầu giảm mạnh, chính phủ các quốc gia có nhiều người lao động di cư tại Trung Đông quan tâm nhiều hơn tới việc hướng dòng kiều hối vào đầu tư phát triển nhằm giúp tác động của kiều hối ở giác độ vi mô và vĩ mô được bền vững.

Thứ hai, xét theo tiêu chí đối tượng nhận kiều hối, có thể chia thành hai loại kiều hối gửi về cho gia đình và kiều hối gửi cho tổ chức. Nếu như hình thức đầu tiên chủ yếu được gửi từ cá nhân ở nước ngoài thì hình thức thứ hai thường được gửi theo nhóm (collective remittance). Về mặt chính sách, dưới góc độ quản lý sắp tới nên đưa ra cơ chế huy

động nhiều kiều hối cho tổ chức phát triển như quỹ xã hội, từ thiện hay cho ngân sách của địa phương.

Tóm lại, phân loại kiều hối giúp cho công tác thống kê, quản lý, đặc biệt là thiết kế, xây dựng chính sách kiều hối tốt hơn. Ngoài ra, việc nắm bắt rõ các loại kiều hối có thể giúp phân tích và rút ra đặc điểm kiều hối của các quốc gia. Cơ sở lý thuyết về phân loại kiều hối đóng vai trò quan trọng cho việc đánh giá chính sách kiều hối tới dòng kiều hối.

KẾT LUẬN

Tiếp cận kiều hối theo góc độ cung - cầu không những đem lại các số liệu thống kê cần thiết mà còn giúp cơ quan quản lý đưa ra chính sách quản lý kiều hối theo đối tượng cung - trung gian - cầu. Nghiên cứu đã tiến hành phân loại kiều hối theo hướng tiếp cận này và đề xuất các giải pháp chính sách. Đối với bên cung, cần thu hút kiều hối từ các đối tượng lao động hợp pháp có kỹ năng nghề nghiệp tốt và làm việc từ các quốc gia phát triển; khuyến khích hình thái kiều hối theo tiền tệ thông qua cơ chế thông thoáng về kênh chuyển tiền, hình thức gửi kiều hối nên thúc đẩy nguồn từ các nhóm. Đối với bên trung gian, quản lý và khuyến khích các tổ chức nhận và chuyển kiều hối chính thức song song với hạn chế kiều hối chuyển qua kênh phi chính thức. Cuối cùng, về bên cầu, chính sách kiều hối cần tập trung nâng cao nhận thức của người nhận thông qua khuyến khích người nhận sử dụng kiều hối hợp lý, tăng tỷ trọng cho giáo dục, y tế dự phòng, giảm tỷ trọng đầu tư vào bất động sản, thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, phát triển đối tượng nhận kiều hối theo nhóm (ví dụ chính quyền địa phương hay các tổ chức chính trị, xã hội tại địa phương) với mục đích đầu tư rõ ràng cùng cơ chế minh bạch thông tin về quá trình sử dụng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] WB (1999), *Worldbank Data Indicators*, <https://data.worldbank.org/indicator>.
- [2] S. Puri & T. Rizetma (1999), "Migrant worker remittances, Micro-finance and the informal economy: Prospects and issues", *Social Finance Working Paper*, N/21, pp.33.
- [3] IMF (2009a), *Balance of payments and international investment position manual (Six ed.)*, Washington D.C.
- [4] IMF (2009b), *International transactions in remittances guide for compliers and users*, <https://www.imf.org/external/np/sta/bop/2008/rcg/pdf/guide.pdf?fbclid=IwAR15NFsQ8YHcyVepikGrEbxJpUz27cyBlcJDETHuuer8hIHwzAheRbjapsl>.
- [5] IMF (2007), *Revision of the fifth edition of the IMF's balance of payments manual*, <https://www.imf.org/external/np/sta/bop/bopman5.htm>.
- [6] Trần Huy Tùng (2017), *Discussion of informal remittance measurement - Promoting financial inclusion in Vietnam*, Kỷ yếu hội thảo Học viện Ngân hàng.

³El Salvador là một nền kinh tế đang phát triển phụ thuộc lớn vào dòng kiều hối. So với các quốc gia trong khu vực Trung Mỹ, tốc độ tăng trưởng kinh tế của El Salvador còn thấp hơn do thua kém về tỷ lệ tiết kiệm cũng như đầu tư trong nền kinh tế. Mức tăng trưởng kinh tế bình quân tại El Salvador rơi vào khoảng hơn 2% giai đoạn 2000-2014, trong khi các quốc gia trong khu vực là 4,5%. Tỷ lệ đầu tư của El Salvador so với GDP chỉ đạt mức trung bình 15,5% từ năm 2000, năm 2015 chỉ đạt gần 14%.